

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 10 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Khel

2. Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Tuyết A, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Số 2/5C đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Đào Hoàng K, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã B1, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: Số T đường T1, khóm T4, phường T3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 17/4/2018 của nguyên đơn là bà Lâm Thị Tuyết A và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên

tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn Đào Hoàng K kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/12/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên sống ly thân, bà A đã cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay bà A yêu cầu được ly hôn với bị đơn là ông Đào Hoàng K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống nguyên đơn và bị đơn K có hai người con chung tên Đào Hoàng Kh, sinh ngày 14/01/2011 và Đào Hoàng V, sinh ngày 30/5/2015, hiện nay cháu Kh và cháu V đang do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên Đào Hoàng Kh, sinh ngày 14/01/2011 và Đào Hoàng V, sinh ngày 30/5/2015 cho đến khi cháu Kh và cháu V đủ 18 tuổi, bà A yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng/tháng/cháu cho đến cháu Kh và cháu V đến đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn ông Đào Hoàng K:**

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông K biết, nhưng ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Tuyết A. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ ông K hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho ông biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông K cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tuy nhiên, tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 27/9/2018, bị đơn Đào Hoàng K thừa nhận những lời trình bày của nguyên đơn Tuyết A về quan hệ hôn nhân và con chung là đúng sự thật; bị đơn K đồng ý ly hôn nguyên đơn Tuyết A, về con chung bị đơn đồng ý cho nguyên đơn Tuyết A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là cháu Đào Hoàng Kh, sinh ngày 14/01/2011 và Đào Hoàng V, sinh ngày 30/5/2015 và đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 700.000 đồng/tháng/cháu. Bị đơn K còn trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về

thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn Lâm Thị Tuyết A thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn Đào Hoàng K không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Thị Tuyết A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1.] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 17/4/2018 Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Thị Tuyết A lập ngày 17/4/2018 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Tuyết A nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Tuyết A và thụ lý vụ án đúng quy định tại các Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 11/5/2018, nguyên đơn Tuyết A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn Đào Hoàng K có nơi cư trú tại số T đường T1, khóm T4, phường T3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Đào Hoàng K vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Đào Hoàng K theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[3] Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Lâm Thị Tuyết A trình bày về quan hệ hôn nhân và con cái như sau: Nguyên đơn và bị đơn Đào Hoàng K kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số

226/2010 quyền số 01 ngày 07/12/2010, theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp; nguyên đơn và bị đơn có hai con chung là cháu Đào Hoàng Kh, sinh ngày 14/01/2011 và Đào Hoàng V, sinh ngày 30/5/2015. Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn Tuyết A phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh của cháu Kh và cháu V mà nguyên đơn Tuyết A đã cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[4] Nguyên đơn Tuyết A yêu cầu được ly hôn với bị đơn K vì vợ chồng sống chung không hạnh phúc do bị đơn K thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, nguyên đơn Tuyết A đã cố gắng khuyên nhưng bị đơn K không khắc phục, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2016 cho đến nay. Nguyên đơn Tuyết A không còn tình cảm yêu thương bị đơn K nữa, nên yêu cầu được ly hôn bị đơn Đào Hoàng K. Tại biên bản xác minh đề ngày 27/9/2018 bị đơn K trình bày đồng ý ly hôn nguyên đơn Tuyết A.

[5] Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân trong thời gian tương đối dài, không lo lắng, chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương bị đơn nữa, tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Lâm Thị Tuyết A.

[6] Về con chung: Xét yêu cầu của bà Lâm Thị Tuyết A xin được nuôi dưỡng con chung tên Đào Hoàng Kh, sinh ngày 14/01/2011 và Đào Hoàng V, sinh ngày 30/5/2015 đến tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”.

Xét thấy, từ khi vợ chồng ông bà sống ly thân cho đến nay, cháu Kh và cháu V đều sống cùng với bà Lâm Thị Tuyết A, cuộc sống của các cháu đang ổn định, mặt khác cháu Kh cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà Lâm Thị Tuyết A. Mặt khác, tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 27/9/2018, bị đơn K cũng trình bày đồng ý cho nguyên đơn Lâm Thị Tuyết A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh và cháu V, vì vậy căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của cháu Kh, cũng như yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con chung của nguyên đơn Lâm Thị Tuyết A, cho bà Lâm Thị Tuyết A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Kh và cháu V đủ 18 tuổi.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lâm Thị

Tuyệt A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu bị đơn K phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu Kh và cháu V đủ 18 tuổi.

Căn cứ Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”, bị đơn Kiểm là người không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản xác minh bị đơn K đồng ý cấp dưỡng nuôi con 700.000 đồng/tháng/cháu, mức cấp dưỡng của ông K là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày 15/10/2018 (tức là ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi cháu Kh và cháu V thành niên (đủ 18 tuổi).

Bị đơn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không ai được cản trở.

[8] **Về tài sản chung và nợ chung:** Nguyên đơn Lâm Thị Tuyệt A tự khai không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[9] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] **Về án phí:** Nguyên đơn Tuyệt A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và bị đơn K phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 5 và Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lâm Thị Tuyệt A và ông Đào Hoàng K.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Đào Hoàng Kh (nam, sinh ngày 14/01/2011) và cháu Đào Hoàng V (nam, sinh ngày 30/5/2015) cho bà Lâm Thị Tuyệt A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đào Hoàng K phải đóng góp nuôi con với bà Lâm Thị Tuyệt A số tiền là 700.000

đồng/tháng/cháu, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày 15/10/2018 cho đến khi cháu Kh và cháu V thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Đào Hoàng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Đào Hoàng Kh (nam, sinh ngày 14/01/2011) và cháu Đào Hoàng V (nam, sinh ngày 30/5/2015) theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị Tuyết A tự khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Lâm Thị Tuyết A phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0001644, ngày 17/4/2018, nguyên đơn Tuyết A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Bị đơn Đào Hoàng K phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn Lâm Thị Tuyết A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Đào Hoàng K thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đối với phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND phường T2;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ